

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Huỳnh Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Võ Út M1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp R, xã T, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thị M trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Võ Út M1 chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, thời gian chung sống chị và

anh Võ Út M1 có 01 người con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ khi chị và anh Võ Út M1 ly thân con chung với chị cho đến nay. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Võ Út M1 không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Võ Út M1 thường xuyên bất hòa cự cãi, sống không hạnh phúc; chị và anh Võ Út M1 cố gắng chung sống để nuôi dạy con chung nhưng càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng và sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Võ Út M1 không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1. Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên: Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Võ Út M1 cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Võ Thị Thùy L như sau:*

Võ Thị Thùy L là con của anh Võ Út M1 và chị Thị M, từ khi cha mẹ không chung sống với nhau thì Võ Thị Thùy L sống chung với mẹ là chị Thị M. Nếu cha mẹ của Võ Thị Thùy L ly hôn, Võ Thị Thùy L có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Thị M, địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, Tỉnh Kiên Giang. Võ Thị Thùy L cam kết lời trình bày của Võ Thị Thùy L là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về rình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Võ Út M1 và chị Thị M xác lập hôn nhân và sinh sống tại ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp R, xã T, tỉnh An Giang). Anh Võ Út M1 thường xuyên đi làm thuê thời gian về không xác định được; về nguyên nhân mâu thuẫn không xác định được nhưng biết được anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian.

** Bị đơn anh Võ Út M1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Võ Út M1 biết để anh có ý kiến về việc chị Thị M yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh nhưng anh Võ Út M1 không có ý kiến gì và

cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Thị M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn Thị Mô và Võ Út M1 số: 69 ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy khai sinh tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 18/3/2025 của chị Thị M (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trích lục khai sinh anh Võ Út M1 số: 551/TLKS-BS ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Võ Thị Thùy L (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con, chị không yêu cầu anh Võ Út M1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Võ Út M1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Út M1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1 và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Thị M được ly hôn với anh Võ Út M1. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Thị M tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Thị M không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Thị M tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thị M yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Võ Út M1 và nuôi con. Bị đơn anh Võ Út M1 cư trú tại: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp R, xã T, tỉnh An Giang) nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Út M1 biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Võ Út M1 nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Võ Út M1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Võ Út M1 nhưng anh Võ Út M1 vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do; tại phiên tòa hôm nay, chị Thị M không yêu cầu hoãn phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Võ Út M1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Thị M và anh Võ Út M1 chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyển số: 01/2011 ngày 20 tháng 4 năm 2011, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1, quá trình chung sống chị và anh Võ Út M1 thường xuyên bất hòa cự cãi sống không hạnh phúc, chị và anh Võ Út M1 cố gắng chung sống để nuôi dạy con chung

nhưng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Võ Út M1 không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1, nhưng anh Võ Út M1 không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1 là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Thị M cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Võ Út M1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Thị M, cho chị Thị M được ly hôn với anh Võ Út M1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Thị M và anh Võ Út M1 có 01 người con chung tên Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014, chung sống với chị Thị M từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị Thị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Võ Út M1 không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời người con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Thị M, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và có nguyện vọng chung sống với chị Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Thị M và ý kiến nguyện vọng của con chung anh chị, giao người con chung của anh chị tên: Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 cho chị Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Thị M không yêu cầu anh Võ Út M1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Thị M tự xác định, chị và anh Võ Út M1 không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu

cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị M được ly hôn với anh Võ Út M1.
2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên: Võ Thị Thùy L, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 cho chị Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con chung anh chị và hiện nay đang chung sống với chị Thị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị M không yêu cầu anh Võ Út M1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Thị M tự xác định, chị và anh Võ Út M1 không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này

có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 19 (Ký hiệu: BLTU/25) ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang). Chị Thị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/7/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên, tỉnh An Giang;
- Lưu: HSPA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo